TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **381**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24/3/2021
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhanh.

Bà Trần Thị Bích Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 24/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân dân Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 473/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 958/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc Tuyết M, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 6223 Miramont street, Colorado springs, Co 80923, USA.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân N, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Căn hộ 09.12 Tháp M2, đường N8, Khu phố 1, phường PT, Quận X, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Nguyễn Ngọc Tuyết M trình bày:

Bà Nguyễn Ngọc Tuyết M và ông Nguyễn Xuân N tự nguyện kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XM, huyện XM, tỉnh BR – VT theo giấy chứng nhận kết hôn số 134/2012 ngày 30/11/2012.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, về lối sống khác biệt nhau, thường xuyên cãi vã nhau, mỗi người ở một nơi, cho đến nay vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không đem lại hạnh

phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Ngọc Tuyết M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Xuân N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/7/2007 và Nguyễn Xuân An B, sinh ngày 13/3/2015. Hiện nay 02 con chung đang được ông Nguyễn Xuân N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Ngọc Tuyết M đồng ý giao 02 con chung cho ông Nguyễn Xuân N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Nguyễn Ngọc Tuyết M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân N trình bày:

Thừa nhận quan hệ hôn nhân, việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, mâu thuẫn vợ chồng như bà Nguyễn Ngọc Tuyết M trình bày. Nay bà Nguyễn Ngọc Tuyết M xin ly hôn, ông Nguyễn Xuân N có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc Tuyết M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/7/2007 và Nguyễn Xuân An B, sinh ngày 13/3/2015. Hiện nay 02 con chung đang được ông Nguyễn Xuân N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Ngọc Tuyết M đồng ý giao 02 con chung cho ông Nguyễn Xuân N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Nguyễn Ngọc Tuyết M không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Nguyễn Xuân N đồng ý.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Xuân N đồng ý.

Về nợ chung: Không có. Ông Nguyễn Xuân N đồng ý.

Bà Nguyễn Ngọc Tuyết M và ông Nguyễn Xuân N yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố H giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Tuyết M yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Xuân N, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Tuyết M

đang cư trú tại nước Mỹ (USA) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Tuyết M và bị đơn ông Nguyễn Xuân N tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Tuyết M và bị đơn ông Nguyễn Xuân N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Tuyết M đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân N, xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 134/2012 ngày 30/11/2012 của Ủy ban nhân dân xã XM, huyện XM, tỉnh BR – VT cấp cho bà Nguyễn Ngọc Tuyết M và ông Nguyễn Xuân N, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc Tuyết M và ông Nguyễn Xuân N là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Ngọc Tuyết M yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Xuân N với lý do sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, về lối sống khác biệt nhau, thường xuyên cãi vã nhau, mỗi người ở một nơi, cho đến nay vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Đối với ông Nguyễn Xuân N cũng thừa nhận trình bày của bà Nguyễn Ngọc Tuyết M là đúng và đồng ý ly hôn bà Nguyễn Ngọc Tuyết M. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Nguyễn Ngọc Tuyết M và ông Nguyễn Xuân N không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc Tuyết M ly hôn ông Nguyễn Xuân N theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/7/2007 và Nguyễn Xuân An B, sinh ngày 13/3/2015. Hiện nay 02 con chung đang được ông Nguyễn Xuân N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Ngọc Tuyết M đồng ý giao 02 con chung cho ông Nguyễn Xuân N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Nguyễn Ngọc Tuyết M không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Nguyễn Xuân N đồng ý. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Hai bên đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc Tuyết M phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điều 91, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Tuyết M đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân N:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Ngọc Tuyết M ly hôn ông Nguyễn Xuân N.

2. *Về con chung:* Có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/7/2007 và Nguyễn Xuân An B, sinh ngày 13/3/2015. Hiện nay 02 con chung đang được ông Nguyễn Xuân N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Nguyễn Ngọc Tuyết M và ông Nguyễn Xuân N, giao 02 (Hai) con chung chưa thành niên tên Nguyễn Minh T và Nguyễn Xuân An B cho ông Nguyễn Xuân N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Nguyễn Ngọc Tuyết M cho đến khi có yêu cầu của ông Nguyễn Xuân N. Việc giao nhận 02 (Hai) con chung chưa thành niên tên Nguyễn Minh T và Nguyễn Xuân An B do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Nguyễn Ngọc Tuyết M phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Ngọc Tuyết M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0093360 ngày 25/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. *Về quyền kháng cáo bản án:*

Bà Nguyễn Ngọc Tuyết M cư trú ở nước ngoài, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bà Nguyễn Ngọc Tuyết M được tống đạt hợp lệ Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Xuân N vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày ông Nguyễn Xuân N được tống đạt hợp lệ Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND XM, BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Phan Trịnh Minh Đức